

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày 20 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Biên;
- Ông Nguyễn Hữu Quy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 10/4/1981 tại Nghệ An; nơi cư trú: Xóm A, xã Diễn L, huyện D, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1941; vợ Ngô Thị L, sinh năm 1983; có 02 con (con lớn 13 tuổi, con nhỏ 9 tuổi).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2021 đến ngày 06/02/2021 thì được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Hồ Văn R** (tên gọi khác: **Pả H**), sinh ngày 01/01/1978 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn B, xã Th, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Vân Kiều; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hồ A C, sinh năm 1949 và bà Hồ Thị V, sinh năm 1950; vợ Hồ Thị R, sinh năm 1980; có 05 đứa con (con lớn 17 tuổi, con nhỏ 9 tuổi).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn R: Ông Hà Trung Th - Trợ giúp viên, Trung

tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trần Văn Th, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- Ông Võ Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- Ông Võ Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- Anh Phạm Ngọc Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- Anh Hồ Xuân Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm Tr, xã Ng, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- Chị Hồ Thị R (tên gọi khác: Pỉ H), sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn B, xã Th, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Hồ Ai T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Lê M, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

*** Người phiên dịch:**

- Ông Hồ Văn L; địa chỉ: Thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2021, Trần Văn Th, Võ Văn S, Võ Văn N, Phạm Ngọc Th, Hồ Xuân Th (đều trú tại: Xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An) và Nguyễn Văn Th, trú tại: Xã Ng, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An đang lao động tại Viêng Chăn, Lào có nhu cầu về Việt Nam nhưng không muốn bị cách ly, nên đã bàn bạc với nhau tìm cách nhập cảnh trái phép về Việt Nam.

Ngày 04/01/2021, Trần Văn Th liên hệ với Nguyễn Văn D, sinh năm 1981, trú tại: Xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An đặt vấn đề đưa 06 người nhập cảnh trái phép về Việt Nam thì được D đồng ý và thống nhất với giá 6.000.000 đồng/01 người, rồi hẹn gặp ở huyện Sê Pôn, Lào. Trước đó, bị cáo D từng gặp Hồ Văn R, sinh năm 1978, trú tại: Xã Th, huyện H, tỉnh Quảng Trị hỏi về việc đưa người nhập cảnh trái phép thì được R đồng ý, nên D gọi điện cho bị cáo R hẹn 18 giờ ngày 05/01/2021 đưa 06 người nhập cảnh trái phép từ bờ sông Sê Pôn, Lào về Việt Nam và thống nhất tiền công 400.000 Kíp Lào/01 người.

Sáng ngày 05/01/2021, Trần Văn Th, Võ Văn S, Võ Văn N, Phạm Ngọc Th, Hồ Xuân Th và Nguyễn Văn Th đến huyện Sê Pôn, Lào thì được bị cáo D đón và thuê khách sạn nghỉ lại. Khoảng 16 giờ cùng ngày, D thuê 02 người Lào và dẫn 06 người đi trên hai xe ô tô bán tải về khu vực biên giới thuộc bản Đenvilay, Lào rồi đi bộ xuống bờ sông Sê Pôn. Trên đường đi, Th đưa cho D 14.300.000 Kíp Lào tiền chi phí. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi đến bờ sông, D gọi điện thoại cho bị cáo Hồ Văn R chèo đò từ bờ sông Việt Nam sang bờ phía bên Lào để đón 06 đối tượng trên, bị cáo D đưa cho R 2.550.000 Kíp Lào rồi quay về. R chèo đò chở lần lượt mỗi lần 03 người sang bờ sông Việt Nam, rồi dẫn 06 người lên đường nhựa cách đó 100 mét đứng đợi và đi lấy xe mô tô. Lúc này, Hồ Ai T, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Th, xã Th, huyện H gọi điện thoại cho R rủ đi ăn uống thì R nhờ T chở giúp 03 người ra ngã ba T, huyện H, thì T đồng ý và yêu cầu tiền công 200.000 đồng. Sau đó, R điều khiển xe mô tô BKS 43D1-227.84 chở N, Th, Th đi trước, còn T điều khiển xe mô tô BKS 75U1-8429 chở Th, S, Th đi sau. Khi đến km 0+450 đường 586 thuộc địa phận thôn L, xã T, huyện H thì T cùng Th, S, Th bị lực lượng Biên phòng phát hiện mời về làm việc, còn R chở N, Th, Thg ra Quốc lộ 9 gần nhà nghỉ L thuộc xã T, huyện H để bắt xe về thành phố Đ.

Ngày 14/01/2021, bị cáo Nguyễn Văn D bị Công an huyện T, tỉnh Salavan, Lào bắt giữ về hành vi tổ chức đưa người Việt Nam xuất cảnh sang Lào trái phép, tạm trú trái phép, cư trú quá hạn, kinh doanh lao động trái phép tại Lào, sau đó chuyển D cho Đoàn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế La Lay, Việt Nam để giải quyết. Quá trình làm việc, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 28/CT-VKS-P1 ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố Nguyễn Văn D, Hồ Văn R về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Văn R phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ: 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn R từ: 24 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/01/2021.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước gồm:

+ Tịch thu số tiền thu lợi bất chính:

Bị cáo Nguyễn Văn D đã thu lợi số tiền 5.750.000 kíp Lào (tương đương 13.819.500 đồng) và bị cáo Hồ Văn R đã thu lợi số tiền 2.550.000 kíp Lào (tương đương 6.349.500 đồng). Tất cả số tiền này các bị cáo thu lợi bất chính, từ việc phạm tội mà có (bị cáo Nguyễn Văn D đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại số tiền thu lợi bất

chính là 13.819.500 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền số 000926 ngày 22/6/2021; Bị cáo Nguyễn Văn D đã bị tạm giữ tại giai đoạn điều tra số tiền 2.133.000 kíp Lào và bị cáo Hồ Văn R đã bị tạm giữ tại giai đoạn điều tra số tiền 2.550.000 kíp Lào). Vì vậy, cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước các số tiền trên của D và R, số tiền bị cáo D nộp thừa thì được trả lại.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Bontel màu xanh, cam, đen của bị cáo Hồ Văn R;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu UNIFONE màu đen có viền màu trắng bạc của bị cáo Nguyễn Văn D.

+ Một phần hai giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 43D1-227.84 màu vàng, bạc, đen đã qua sử dụng và một phần hai giá trị chiếc thuyền có vỏ bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng của bị cáo R (Kèm theo: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003560, tên chủ xe Nguyễn Văn Th, biển số đăng ký: 43D1-227.84 và 01 giấy bán xe ngày 31/10/2019, ký tên người bán Trần Mót, người mua Hồ Văn R).

Trả lại cho chị Hồ Thị R một phần hai giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 43D1-227.84 màu vàng, bạc, đen đã qua sử dụng và một phần hai giá trị chiếc thuyền có vỏ bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản được định giá theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong thi hành án dân sự sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim ký hiệu chữ và số Unitel số sê ri 8984048000013894623 và 01 thẻ sim ký hiệu chữ và số Viettel số sê ri 8984040361006919889, thẻ sim Viettel số sê ri 8984048000077965898 và 01 thẻ micro SD 2GB.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D số tiền đã nộp dư tiền thu lợi bất chính là 5.311.000 đồng (tương đương với 2.133.000 Kip Lào).

- Trả lại cho Trần Văn Th 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đen, model TA 1203 và 01 ĐTDĐ hiệu Sam Sung màu đen xanh, số IMEI: 358193/10/049603/4, SM-A507/FN/DS;

- Trả lại cho Võ Văn S 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, model TA 1174 và 01 ĐTDĐ hiệu Sam Sung màu đen số IMEI: 356416/11/608459/9;

- Trả lại cho Nguyễn Văn Th 01 điện thoại hiệu OPPO màu vàng đồng trắng, model CPH 1607;

- Trả lại cho Võ Văn N 01 điện thoại hiệu Sam Sung màu vàng, có ốp nhựa màu vàng, loại: SM-J730F/DS và 01 điện thoại hiệu VSMART màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, phần lưng điện thoại có ký hiệu ACE00016833;

- Trả lại cho Hồ Xuân Th 01 điện thoại hiệu VIVO màu vàng đồng, có ốp nhựa màu gạch, phần phía trong ốp điện thoại có 02 thẻ sim để rời.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Hà Trung Th - người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn R: Người bào chữa không có tranh luận gì về tội danh, hình phạt, điều khoản mà đại diện Viện kiểm

sát đã đề nghị đối với bị cáo R. Tuy nhiên, khi lượng hình đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65; điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn R 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Ý kiến của các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Văn R: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất (Bị cáo D xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc mẹ già đang bị ốm nặng, vợ không có việc làm, con thì hai đứa còn nhỏ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Trị, Điều tra viên, VKSND tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng đã có lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các lời khai có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vì mục đích vụ lợi nên ngày 05/01/2021, các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Văn R đã có hành vi đưa Trần Văn Th, Võ Văn S, Võ Văn N, Phạm Ngọc Th, Hồ Xuân Th và Nguyễn Văn Th nhập cảnh trái phép bằng đường sông từ Lào về Việt Nam để thu lợi bất chính (bị cáo Nguyễn Văn D thu lợi bất chính số tiền 13.819.500 đồng, bị cáo Hồ Văn R thu lợi bất chính số tiền 6.349.500 đồng). Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Văn R đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của BLHS (gồm 06 người) như Cáo trạng số 28/CT-VKS-P1 ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, và mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở biên giới Việt Nam, mà còn xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan

Nhà nước, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở Việt Nam. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử các bị cáo nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn D là người khởi xướng, cùng bị cáo Hồ Văn R đưa Th, S, N, Th, Th và Th nhập cảnh trái phép về Việt Nam khi không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có giấy tờ theo quy định của Nhà nước về nhập cảnh để thu lợi bất chính. Bị cáo Nguyễn Văn D còn là người trực tiếp nhận tiền và chi trả cho bị cáo Hồ Văn R. Bị cáo Hồ Văn R sau khi nhận điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn D về việc thuê đưa Th, S, N, Th, Th và Th nhập cảnh về Việt Nam bằng đường sông để lấy tiền công thì Hồ Văn R đồng ý tham gia và dùng thuyền của mình trực tiếp chở 06 đối tượng trên qua sông Sê Pôn để nhập cảnh vào Việt Nam. Trong vụ án bị cáo Hồ Văn R là người thực hành trực tiếp thông qua bị cáo D; bị cáo D là người tiếp nhận ý thức phạm tội từ đầu sau đó mới móc nối với bị cáo R, nên bị cáo R có vai trò thấp hơn so với bị cáo Nguyễn Văn D.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Văn R đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo R có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không có việc làm ổn định lại phải nuôi các con còn nhỏ nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 13.819.500 đồng (điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS); Ngoài ra, trong thời gian được tại ngoại, bị cáo D đã tích cực hợp tác với các cơ quan chức năng của huyện M, tỉnh Thanh Hóa trong việc phát hiện tội phạm, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Bố mẹ của bị cáo D được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ của bị cáo bị bệnh suy tim giai đoạn 4 (có bệnh án điều trị), bị cáo có thành tích trong việc cứu người được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo D, bị cáo R dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xét bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên xem xét xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện tính khoan hồng và nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Th, Võ Văn S, Võ Văn N, Phạm Ngọc Th, Hồ Xuân Th và Nguyễn Văn Th có hành vi nhập cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều tra đã xác minh, làm rõ và đã xử phạt hành chính là có cơ sở.

Đối với Hồ Ai T, không biết việc bị cáo R nhờ chở người nhập cảnh trái phép, nên Cơ quan An ninh điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[7] Về xử lý các vật chứng:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận đã sử dụng các điện thoại di động để liên lạc khi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Vì vậy, HĐXX thấy cần tịch thu các điện thoại trên để sung vào ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Bontel màu xanh, cam, đen của bị cáo Hồ Văn R; 01 điện thoại di động nhãn hiệu UNIFONE màu đen có viền màu trắng bạc của bị cáo Nguyễn Văn D.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 43D1-227.84 màu vàng, bạc, đen đã qua sử dụng và 01 chiếc thuyền có vỏ bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Hồ Văn R, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã dùng vào việc chở các đối tượng nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa xác định được: Tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo R và chị Hồ Thị R (vợ của bị cáo R), chị R không biết việc bị cáo dùng các tài sản này để chở người nhập cảnh trái phép và có yêu cầu xin nhận lại các tài sản này. Vì vậy, HĐXX thấy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước một phần hai giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 43D1-227.84 màu vàng, bạc, đen đã qua sử dụng và một phần hai giá trị chiếc thuyền có vỏ bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng của bị cáo R.

Trả lại cho chị Hồ Thị R một phần hai giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 43D1-227.84 màu vàng, bạc, đen đã qua sử dụng và một phần hai giá trị chiếc thuyền có vỏ bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản được định giá theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong thi hành án dân sự sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Đối với hai sim điện thoại mà các bị cáo đã sử dụng gồm: 01 sim ký hiệu chữ và số Unitel số sê ri 8984048000013894623 và 01 thẻ sim ký hiệu chữ và số Viettel số sê ri 8984040361006919889, thẻ sim Viettel số sê ri 8984048000077965898 và 01 thẻ micro SD 2GB do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Tịch thu số tiền thu lợi bất chính:

Bị cáo Nguyễn Văn D đã thu lợi số tiền 5.750.000 kíp Lào (tương đương 13.819.500 đồng) và bị cáo Hồ Văn R đã thu lợi số tiền 2.550.000 Kíp Lào (Số tiền 2.550.000 Kíp Lào của bị cáo Hồ Văn R đã bị tạm giữ tại giai đoạn điều tra). Tất cả số tiền này các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội mà có. Vì vậy, cần tuyên tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

Do bị cáo Nguyễn Văn D đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 13.819.500 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền số 000926 ngày 22/6/2021 và đã bị tạm giữ tại giai đoạn điều tra số tiền 2.133.000

kíp Lào nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D số tiền do nộp thừa là 5.311.000 đồng (Tương đương với 2.133.000 Kíp Lào);

- Trả lại cho Trần Văn Th 01 điện thoại di động hiệu NOKIA TA1203 và 01 ĐTDĐ hiệu Sam Sung màu đen xanh, số IMEI: 358193/10/049603/4, SM-A507/FN/DS;

- Trả lại cho Võ Văn S 01 điện thoại di động hiệu NOKIA TA1174 và 01 ĐTDĐ hiệu Sam Sung;

- Trả lại cho Nguyễn Văn Th 01 điện thoại hiệu OPPO CPH 1607;

- Trả lại cho Võ Văn N 01 điện thoại hiệu Sam Sung có ốp nhựa màu vàng và 01 điện thoại hiệu Vmarst có ốp nhựa trong suốt;

- Trả lại cho Hồ Xuân Th 01 điện thoại hiệu VIVO có ốp nhựa màu gạch.

(Các tài sản trên được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/6/2021 và biên bản ngày 22/6/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Quảng Trị với Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

[8] Tiếp tục Quyết định tạm giam đối với bị cáo Hồ Văn R để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn D, Hồ Văn R** (tên gọi khác: **P**) phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Hồ Văn R.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D;

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Văn D** 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo **Hồ Văn R** 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/01/2021).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:
- + Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 5.750.000 Kíp Lào (tương đương với 13.819.500 đồng).

Do bị cáo Nguyễn Văn D đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 13.819.500 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền số 000926 ngày 22/6/2021 và đã bị tạm giữ số tiền 2.133.000 kíp Lào tại giai đoạn điều tra nên tuyên trả lại cho bị cáo D số tiền do nộp thừa là 5.311.000 đồng (tương đương với 2.133.000 Kíp Lào).

+ Tịch thu số tiền 2.550.000 Kíp Lào của bị cáo Hồ Văn R để sung vào ngân sách Nhà nước (Số tiền này của Hồ Văn R đã bị tạm giữ tại giai đoạn điều tra).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Bontel màu xanh, cam, đen, số Imei 1: 353446086908058, số Imei 2: 353446086908066, máy đã qua sử dụng của bị cáo Hồ Văn R.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu UNIFONE màu đen có viền màu trắng bạc, số Imei 1: 868523038664282, số Imei 2 868523038664290, máy đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn D.

+ Một phần hai giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 43D1-227.84 màu vàng, bạc, đen, số loại Wave RS, số máy HC09E6435870, số khung RLHHC09076Y435895 đã qua sử dụng (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 43D1-227.84 số 003560, tên chủ xe Nguyễn Văn Th; 01 giấy bán xe đề ngày 31/10/2019 ký tên người bán xe Trần Mót, người mua xe Hồ Văn R) và một phần hai giá trị chiếc thuyền có vỏ bằng kim loại màu trắng, nẹp gỗ chiều dài khoảng 5,37m, chiều rộng nơi lớn nhất khoảng 0,91m đã qua sử dụng của bị cáo Hồ Văn R;

- Trả lại cho chị Hồ Thị R (vợ của bị cáo Hồ Văn R): Một phần hai giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 43D1-227.84 màu vàng, bạc, đen, số loại Wave RS, số máy HC09E6435870, số khung RLHHC09076Y435895 đã qua sử dụng và một phần hai giá trị chiếc thuyền có vỏ bằng kim loại màu trắng, nẹp gỗ chiều dài khoảng 5,37m, chiều rộng nơi lớn nhất khoảng 0,91m đã qua sử dụng.

Giá trị tài sản được định giá theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong thi hành án dân sự sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim ký hiệu chữ và số Unitel số sê ri 8984048000013894623 của bị cáo Nguyễn Văn D và 01 thẻ sim ký hiệu chữ và số Viettel số sê ri 8984040361006919889, thẻ sim Viettel số sê ri 8984048000077965898 và 01 thẻ micro SD 2GB của bị cáo Hồ Văn R.

- Trả lại cho Trần Văn Th 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đen, model TA 1203 và 01 ĐTDĐ hiệu Sam Sung màu đen xanh, số IMEI: 358193/10/049603/4, SM-A507/FN/DS;

- Trả lại cho Võ Văn S 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, model TA 1174 và 01 ĐTDĐ hiệu Sam Sung màu đen số IMEI: 356416/11/608459/9;

- Trả lại cho Nguyễn Văn Th 01 điện thoại hiệu OPPO màu vàng đồng trắng, model CPH 1607;

- Trả lại cho Võ Văn N 01 điện thoại hiệu Sam Sung màu vàng, có ốp nhựa màu vàng, loại: SM-J730F/DS và 01 điện thoại hiệu VSMART màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, phần lưng điện thoại có ký hiệu ACE00016833;

- Trả lại cho Hồ Xuân Th 01 điện thoại hiệu VIVO màu vàng đồng, có ốp nhựa màu gạch, phần phía trong ốp điện thoại có 02 thẻ sim để rời.

(Các tài sản trên được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/6/2021 và biên bản ngày 22/6/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Quảng Trị với Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

4. Về Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Văn R mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Th, huyện H;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Luật